

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HÀ ĐÔNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 234/2019/HS-ST

Ngày: 26/12/2019

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HÀ ĐÔNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hòa

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị C

Ông Nguyễn Đức Đạt

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Đào Hoàng Vân - Kiểm sát viên

Ngày 20 và 26 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 178/2016/HSST ngày 01/10/2016 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 182/2019/QĐXXST- HS ngày 31/10/2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn L (tức Nguyễn Hữu L), sinh năm 1974. Hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố T, phường D, quận H, Hà Nội. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 5/12; Con ông Nguyễn Hữu A và bà Nguyễn Thị B. Có vợ là Hoàng Kim C (tức Hoàng Thị C); Có 03 con (con lớn nhất sinh năm 2004, con nhỏ nhất sinh năm 2011). Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

+ Năm 2010 Công an huyện Đ, Hà Nội xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc.

+ Bản án số 450/2009/HSPT ngày 03/7/2009 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xử phạt 12 tháng tù về tội “Đánh bạc”, (đã chấp hành xong bản án).

+ Bản án số 74/2012/HSST ngày 13/8/2012 của Tòa án nhân dân huyện Đ xử phạt 03 tháng tù về tội “Đánh bạc”, (đã chấp hành xong bản án).

Danh chỉ bản số 203 lập ngày 29/02/2016 tại Phòng PC81B Công an thành

phố Hà Nội. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 23/02/2016 đến nay. Hiện tạm giam tại Trại giam số 1 - Công an Thành phố Hà Nội. Có mặt.

* Người bào chữa bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị cáo: (đều có mặt)

1. Ông Trần Thu N, sinh năm 1976 - Trưởng Văn phòng Luật sư T

2. Bà Bùi Thị T, sinh năm 1988 - Luật sư Văn phòng Luật sư T

Địa chỉ: Căn hộ C15, ngõ 88 T, phường Y, quận C, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Năm 2014, vợ chồng Nguyễn Văn L và Hoàng Kim C (tức Hoàng Thị C) mở quán karaoke S tại tổ dân phố T, phường D, quận H, thành phố Hà Nội, đăng ký kinh doanh mang tên chị Hoàng Kim C. Từ năm 2015 chị C thuê Đỗ Văn D (sinh năm 1993, hộ khẩu thường trú tại Thôn 4, xã B, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ); sau đó thuê thêm Bùi Thành Đ (sinh năm 1992, trú tại xã C, huyện L, tỉnh Hòa Bình) đến làm nhân viên phục vụ quán. Quá trình hoạt động, chị C giao cho D quản lý và điều hành mọi công việc ở quán, còn Đ có nhiệm vụ dọn dẹp và phục vụ các phòng hát. Chủ yếu chị C kiểm tra, giám sát hoạt động của quán qua hệ thống camera kết nối với điện thoại di động cá nhân. Từ cuối năm 2015, do chị C bận chăm con nhỏ nên Nguyễn Văn L đứng ra quản lý, điều hành hoạt động của quán. L đã chỉ đạo Đỗ Văn D cho khách sử dụng ma túy tại quán khi khách có yêu cầu. L quy định khách hát thường thu 100.000 đồng/giờ; hát sau 24 giờ thu 250.000 đồng/giờ; khách đến “bay lắc” và sử dụng ma túy tại phòng thu 250.000 đồng/giờ hoặc thu trọn gói từ 2.500.000 đồng đến 3.000.000 đồng/phòng (tùy thuộc số lượng khách theo nhóm). Đến ngày 20/01/2016, Bùi Thành D xin nghỉ không làm nữa, chị C đã bảo Bùi Văn M (lúc đó đang làm ở quán Massage của vợ chồng C gần đó) sang làm thay Đ.

Quá trình điều tra, Đỗ Văn D khai nhận: Khoảng 02 giờ ngày 20/01/2016, Nguyễn Văn L gọi điện thoại bảo D vào khu vực gần nhà ở của L lấy ma túy mang ra quán để bán cho khách kiếm lời. Theo sự chỉ dẫn của L, D đi vào ngõ cách nhà ở của L khoảng 20 mét lấy 01 túi nilông bên trong có 31 túi ma túy Ketamine đang để ở dưới gốc cây, mang về quán cất vào hộp nhựa treo tại phòng ngủ để bán cho khách với giá 500.000 đồng/ túi nhỏ và 1.000.000 đồng/túi to. Việc L giao ma túy cho D để bán cho khách có được D nói cho M, Đ là những người cùng làm biết từ nhiều lần trước. Bùi Văn M, Bùi Văn Đ đều xác nhận có việc D nói cho M sự việc trên và biết việc D bán ma túy cho khách.

Đêm ngày 22/01/2016, rạng sáng ngày 23/01/2016 có 03 nhóm khách đến quán hát, trong đó có 02 nhóm sử dụng ma túy tại phòng hát. Cụ thể:

*** Nhóm thứ nhất:** Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 22/01/2016, Nguyễn Đình Q, Nguyễn Đình Y (đều sinh năm 1995 và trú tại: tổ 4 V, phường M, quận B, thành phố Hà Nội) cùng một số người khác đến hát tại phòng VIP tầng 1. Khi khách hỏi mua ma túy, D đã bán cho Nguyễn Đình Q 01 túi Ketamine giá 500.000 đồng; sau đó tiếp tục bán cho Nguyễn Đình Y 01 túi Ketamine giá 500.000 đồng và 01 viên ma túy tổng hợp giá 300.000 đồng. D bảo M đem đĩa sù vào phòng hát cho khách để sử dụng ma túy. Ngay tối hôm đó, khi L đến quán, D đã đưa cho L 1.000.000 đồng tiền bán 02 túi Ketamine, còn 300.000 đồng tiền bán viên ma túy tổng hợp D giữ lại vì viên ma túy này là của D nhặt được.

*** Nhóm thứ 2:** Khoảng 01 giờ ngày 23/01/2016, Phạm Quang U, Nguyễn Bảo I và một số người khác từ quán Max 3 (ở số 19, phố T, quận H, thành phố Hà Nội) rủ nhau đến quán S để hát. Trước khi đi, U đã lấy 01 túi ma túy, I lấy bao thuốc lá KENT bên trong có 05 viên ma túy dạng nén để trên bàn đem theo. Cả nhóm nhờ Nguyễn Công V (sinh năm 1987, trú tại: tổ dân phố C, phường Đ, quận N, thành phố Hà Nội) đặt phòng tại S và được D xếp vào phòng VIP tầng 2. U và I để số ma túy mang theo lên bàn trong phòng hát cho mọi người cùng sử dụng. U đặt vấn đề với D cho nhóm “bay lắc”, D đồng ý và phân công M làm phục vụ phòng và đem 01 đĩa sù cho khách sử dụng ma túy. Cả nhóm vừa hát vừa sử dụng hết 01 viên ma túy dạng nén, còn lại 04 viên. V lấy túi ma túy do U mang đến đổ ra đĩa cho mọi người sử dụng, nhưng chưa kịp sử dụng thì có lực lượng Công an đến kiểm tra.

Khoảng 02 giờ 30 phút ngày 23/01/2016, tổ công tác thuộc Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy - Công an thành phố Hà Nội tiến hành kiểm tra quán Karaoke S do mở quá giờ quy định. Kết quả kiểm tra, cơ quan Công an phát hiện tại phòng hát VIP tầng 1 có 10 đối tượng và tại phòng hát VIP tầng 2 có 11 đối tượng đang sử dụng ma túy và “bay lắc”.

Ngoài ra, trong khi trông quán hát, Đỗ Văn D, Bùi Văn M và Bùi Văn K (là người lái xe ôm đến quán) đã sử dụng ma túy tổng hợp tại tầng 1 của quán.

Kết quả thử nước tiểu có 23/24 đối tượng dương tính với ma túy tổng hợp.

Ngày 24/01/2016, Đỗ Văn D, Bùi Văn M, Phạm Quang U và Nguyễn Bảo I bị bắt theo Lệnh bắt khẩn cấp của Cơ quan điều tra - Công an thành phố Hà Nội. Nguyễn Văn L bỏ trốn đến ngày 23/02/2016 thì bị bắt.

Quá trình kiểm tra, cơ quan Công an đã thu giữ:

- *Tại hầm phía sau quầy lễ tân và khu vực tầng 1:* Thu giữ 01 hộp nhựa bên trong có 29 túi nilông chứa tinh thể màu trắng; 01 hộp nhựa bên trong có 40 túi nilông chưa sử dụng; 04 túi nilông bên trong bám dính chất bột màu trắng; 01 bộ

tẩu hút tự tạo; 02 điện thoại di động; 01 máy tính bảng Masstel Tab 720i; 04 quyển sổ; 01 tập hóa đơn thanh toán và một số giấy tờ khác;

- *Tại phòng hát VIP tầng 1:* Thu giữ 01 đĩa sứ màu trắng, bề mặt bám dính chất bột màu trắng; 01 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng cuốn tròn dạng ống; 01 thẻ ATM và 11 điện thoại di động các loại;

- *Tại phòng hát VIP tầng 2:* Thu giữ 01 túi nilông bên trong có chứa tinh thể màu trắng; 01 túi nilông bên trong có 04 viên nén hình tròn màu nâu; 01 đĩa sứ màu trắng bên trên có 01 thẻ Bigxu và 01 tẩu hút được quấn bằng tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng, mặt đĩa có các hạt tinh thể màu trắng; 01 máy tính xách tay và 15 điện thoại di động các loại.

- Ngoài ra, cơ quan Công an còn thu giữ 19 chiếc loa, 03 đèn chiếu, 09 đầu thu, 06 âm ly, 02 ti vi các loại, 01 máy chiếu, 01 đầu thu hình ảnh camera nhãn hiệu VANTECH, 05 camera và số tiền 6.430.000 đồng.

Tại các Kết luận giám định số 1684/PC54, 1685/PC54 và 1686/PC54 cùng ngày 18/3/2016 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hà Nội, kết luận:

1. *Vật chứng thu tại hầm sau quầy lễ tân:* Tinh thể màu trắng bên trong 29 túi nilông, có trọng lượng: 42,388 gam, đều là Ketamine; 04 túi nilông có dính Methamphetamine; 01 bộ tẩu hút tự tạo có dính Methamphetamine; 40 túi nilông không dính chất ma túy.

2. *Vật chứng thu tại phòng hát VIP tầng 1:* 01 đĩa sứ màu trắng có dính Ketamine; 01 thẻ ATM mang tên Nguyễn Đình Q có dính Ketamine; 01 tẩu hút tự tạo bằng tờ tiền 10.000 VNĐ có dính Ketamine.

3. *Vật chứng thu tại phòng hát VIP tầng 2:* Tinh thể màu trắng trên 01 đĩa sứ màu trắng, có trọng lượng: 0,213 gam, là Ketamine; tinh thể màu trắng bên trong 01 túi nilông, có trọng lượng: 1,042 gam, là Ketamine; 04 viên nén màu nâu, có trọng lượng: 1,036 gam, là MDMA (Ecstasy); 01 tẩu hút bằng tờ 50.000 VNĐ có dính Ketamine; 01 thẻ nhựa BigXu có dính Ketamine.

Tại cơ quan điều tra, Đỗ Văn D, Bùi Văn M, Phạm Quanh Thành, Nguyễn Bảo I đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Riêng Nguyễn Văn L chỉ thừa nhận việc chỉ đạo Đỗ Văn D cho khách sử dụng ma túy tại quán mà không thừa nhận việc giao ma túy cho D mang ra quán để bán cho khách.

Quá trình điều tra, Đỗ Văn D còn khai nhận, trước đó Nguyễn Văn L còn 02 lần khác đưa ma túy cho D để bán, mỗi lần đưa từ 10 đến 15 túi ma túy dạng đá, các lần cách nhau khoảng 15 ngày. Tuy nhiên, sau đó D lại thay đổi lời khai và xác định chỉ có một lần Nguyễn Văn L đưa ma túy cho D vào rạng sáng ngày 20/01/2016. Nguyễn Văn L cũng không thừa nhận các hành vi này. Do không có

chứng cứ nào khác để chứng minh nên Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông xác định không có căn cứ để xem xét xử lý hình sự các hành vi này.

Tại Cáo trạng số 175/CT-VKS ngày 30/9/2016, Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông truy tố:

- Nguyễn Văn L, Đỗ Văn D về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại các điểm b, m khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự và tội “*Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 198 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009)

- Bùi Văn M về tội “*Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 198 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009)

- Phạm Quang U, Nguyễn Bảo I về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009).

Quá trình xét xử, Nguyễn Văn L có biểu hiện bị bệnh tâm thần, Tòa án nhân dân quận Hà Đông đã ra quyết định trưng cầu giám định pháp y tâm thần và ra quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án đối với Nguyễn Văn L. Căn cứ Kết luận giám định pháp y tâm thần số 385/KLGD ngày 09/11/2017 của Viện Pháp y tâm thần Trung ương đối với Nguyễn Văn L, Tòa án nhân dân quận Hà Đông đã ra quyết định bắt buộc chữa bệnh số 01/2017/QĐ- TA ngày 25/12/2017 và giao Nguyễn Văn L cho Bệnh Viện Tâm thần Trung ương 1 (Thường Tín, Hà Nội), Trại giam số 1 - Công an Thành phố Hà Nội, Công an quận Hà Đông, Hà Nội thi hành quyết định.

Tại bản án số 235/2017/HSST ngày 20/11/2017 của Tòa án nhân dân quận Hà Đông, Hà Nội đã xét xử đối với Đỗ Văn D, Bùi Văn M, Phạm Quang U, Nguyễn Bảo I và xử lý toàn bộ vật chứng của vụ án.

Tại Kết luận giám định sức khỏe tâm thần sau bắt buộc chữa bệnh số 177/KHTH - BV ngày 30/8/2019 của Bệnh viện tâm thần Trung ương 1 kết luận: Nguyễn Văn L có sức khỏe tâm thần hiện tại ở giai đoạn khỏi bệnh, không cần điều trị nội trú tại bệnh viện. Tòa án nhân dân quận Hà Đông, Hà Nội đã có Quyết định số 01/QĐ-TA ngày 11/9/2019 đình chỉ thi hành biện pháp bắt buộc chữa bệnh và quyết định số 01/QĐ-TA ngày 11/9/2019 phục hồi vụ án đối với bị cáo Nguyễn Văn L.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị: Áp dụng điểm b, m khoản 2 Điều 194; điểm d khoản 2 Điều 198; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 50 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009) xử phạt Nguyễn Văn L từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù về tội “*Mua*

bán trái phép chất ma túy”; từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù về tội “*Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy*”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung từ 14 năm 6 tháng đến 15 năm 6 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 23/02/2016. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Người bào chữa bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị cáo có ý kiến:

- Nhất trí về tội danh “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” và điều khoản Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông đã truy tố đối với bị cáo.

- Về tội danh “Mua bán trái phép chất ma túy” thì thấy không có căn cứ về việc bị cáo thực hiện hành vi khách quan của tội “Mua bán trái phép chất ma túy” bởi lẽ: Các chứng cứ Viện kiểm sát sử dụng buộc tội đối với bị cáo chỉ dựa vào lời khai duy nhất của Đỗ Văn D. Việc D khai L gọi điện cho D đến lấy ma túy, kết quả danh sách cuộc gọi không phù hợp, không có căn cứ xác định việc này có thực; M và Đ cũng chỉ nghe D nói lại là D nhận ma túy từ L chứ không chứng kiến trực tiếp; bị cáo D không chỉ ra được vị trí L cất giấu ma túy để D đến lấy; không xác định được việc L nhận 1.000.000 đồng bán ma túy do D giao vào đêm 22 rạng sáng ngày 23/01/2016 tại quán S. Lời khai của D đầy mâu thuẫn và mâu thuẫn với lời khai của bị cáo L nhưng Cơ quan điều tra không cho đối chất giữa D và L để làm rõ nội dung khách quan của vụ án. Vật chứng được thu tại phòng ngủ của bị cáo D. Gia đình bị cáo không sinh sống tại quán nên không thể kiểm soát được chi tiết việc làm của nhân viên.

Việc Cáo trạng của Viện kiểm sát quy kết bị cáo là hoàn toàn suy đoán, không đủ căn cứ pháp lý vững chắc. Đề nghị Tòa án hoãn phiên tòa để thực hiện việc đối chất giữa bị cáo Nguyễn Văn L với Đỗ Văn D.

Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận quyết định truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân quận Hà Đông đối với bị cáo về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Đề nghị Hội đồng xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Bị cáo không nhất trí với tội danh “Mua bán trái phép chất ma túy” mà Viện kiểm sát đã truy tố và đề nghị được đối chất với Đỗ Văn D.

Căn cứ các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai nhận tội của bị cáo và các tài liệu chứng cứ khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Hà Đông, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy

định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định khởi tố, truy tố của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy:

Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn L thừa nhận tại thời điểm ngày 23/01/2016, L là người chịu trách nhiệm quản lý hoạt động của quán S, có chỉ đạo Đỗ Văn D cho khách sử dụng ma túy, “bay lắc” tại quán; L không thừa nhận việc giao ma túy cho D mang ra quán để bán cho khách. L trình bày trước khi xảy ra sự việc khoảng 2 ngày, L phát hiện D ăn bớt tiền nên có nhắc nhở D; việc này L không khai báo tại Cơ quan điều tra.

L trình bày trước đây có sử dụng ma túy đá, cách một ngày sử dụng 01 lần, mỗi lần hết 500.000 đồng; vào năm 2015 L đã phải đi chữa bệnh liên quan đến việc sử dụng ma túy tại một cơ sở chữa bệnh tư nhân. Trước khi bị bắt trong vụ án này, bị cáo có làm công việc mua đi bán lại xe máy; gặp người bán thì mua, gặp người mua thì bán không cố định ở địa điểm kinh doanh nào.

Hồ sơ vụ án thể hiện: Chị Hoàng Kim C người là đứng tên đăng ký kinh doanh quán Karaoke S. Nhân viên được thuê làm việc tại quán có Đỗ Văn D (làm từ khoảng đầu năm 2015); Bùi Thành Đ (làm từ tháng 12/2015 đến 20/01/2016 thì nghỉ); Bùi Văn M (làm từ ngày 20/01/2016 đến 23/01/2016). Việc giám sát hoạt động của quán chủ yếu qua camera kết nối với điện thoại của chị C. Quá trình làm việc giữa các bên không xảy ra mâu thuẫn gì.

Cuối năm 2015, do chị C bận con nhỏ nên L là người quản lý, điều hành hoạt động của quán. L đã trực tiếp chỉ đạo D cho khách sử dụng ma túy tại quán với nhiều mức thu tiền phòng khác nhau. Đêm ngày 22/01/2016, rạng sáng ngày 23/01/2016, Đỗ Văn D đã cho 02 nhóm khách đến hát sử dụng ma túy và “bay lắc” tại 02 phòng hát VIP 1 và VIP 2. D đã bán 02 túi ma túy Ketamine với giá 500.000 đồng/túi và 01 viên ma túy tổng hợp với giá 300.000 đồng cho Nguyễn Đình Q và Nguyễn Đình Y. Phạm Quang U mang 01 túi ma túy Ketamine và Nguyễn Bảo I mang 05 viên ma túy tổng hợp từ quán O, (ở số 19, phố T, quận H, thành phố Hà Nội) đến quán karaoke S cho mọi người cùng sử dụng.

Khoảng 02 giờ 30 phút ngày 23/01/2016, tổ công tác thuộc Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy - Công an thành phố Hà Nội tiến hành kiểm tra đã phát hiện, bắt quả tang một số đối tượng sử dụng ma túy, thu giữ 29 túi nilông chứa 42,388 gam ma túy Ketamine; 01 túi nilông và 01 đĩa sứ chứa tổng cộng 1,255 gam ma túy Ketamine; 04 viên ma túy MDMA trọng lượng 1,036 gam và một số vật chứng khác có liên quan. Vì vậy, hành vi của Nguyễn Văn L đã cấu thành tội

“Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” với tình tiết “Đối với nhiều người” theo quy định tại điểm d khoản 2 điều 198 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Đối với hành vi “Mua bán trái phép chất ma túy”: Đỗ Văn D khai nguồn gốc số ma túy D bán cho Nguyễn Đình Q và Nguyễn Đình Y là do Nguyễn Văn L đưa cho D để bán cho khách.

Lời khai ban đầu, D khai đã 03 lần nhận ma túy L giao cho để bán cho khách. Cách D mỗi lần giao ma túy đều là L để sẵn ma túy đã chia nhỏ trong 1 túi để trên lối ngõ gần nhà L (cũng gần quán S), rồi gọi điện thoại chỉ dẫn chỗ để cho D vào lấy. Lợi yêu cầu túi to bán giá 1.000.000 đồng/túi; túi nhỏ bán 500.000 đồng/túi. Hàng ngày nếu bán được ma túy, D trực tiếp đưa tiền cho L, không qua sổ sách. Nếu tiền bán ma túy nhiều, D được L cho 300.000 đồng đến 400.000 đồng.

Lần đầu và lần thứ hai mỗi lần cách nhau khoảng nửa tháng, mỗi lần Lợi giao cho D khoảng 15 gói ma túy đã chia sẵn để bán, D không nhớ rõ thời gian. Lần thứ ba khoảng 01 đến 02 giờ sáng ngày 20/01/2016, L để 31 túi ma túy Ketamine trên nền ngõ xóm gần nhà L rồi gọi điện thoại bảo D đến lấy. Ngày 23/01/2016 D bán được 02 gói ma túy cho Đình Q và Đình Y được 1.000.000 đồng. D đã đưa tiền cho L ngay đêm 23/01/2016 khi L đến quán.

Ngày 24/5/2016 D thay đổi lời khai, khẳng định L chỉ đưa cho D 01 lần 31 gói ma túy vào khoảng 2h sáng ngày 20 hoặc 21/01/2016 D không nhớ rõ, L báo cho D bằng cách nào D không nhớ rõ.

Dẫn giải D đến nơi đã nhận ma túy, D xác định trên lối ngõ gần nhà Lợi nhưng không nhớ được chính xác địa điểm đã nhặt gói ma túy. Kiểm tra danh sách cuộc gọi điện thoại xác định Lợi có sử dụng số điện thoại 0988.888xxx gọi vào số điện thoại 0167.2326xxx của D vào 0 giờ 31 phút đêm 21 rạng sáng ngày 22/01/2016.

Mặc dù quá trình điều tra D nhiều lần thay đổi lời khai, song đều thống nhất về nội dung 29 gói ma túy Cơ quan Công an thu giữ là trong số 31 gói ma túy do L gọi điện bảo D vào lối ngõ gần nhà L lấy vào khoảng 01 đến 02 giờ đêm trước ngày 23/01/2016 khoảng 01 đến 02 ngày để D mang về quán bán cho khách khi có nhu cầu. Thực tế D đã bán 2 gói cho Đình Q, Đình Y với giá 500.000 đồng/gói, tiền bán đã được D đưa cho L ngay đêm 22 rạng sáng ngày 23/01/2016 khi L đến quán. Hình ảnh trích xuất camera có thể hiện L có mặt tại quán vào thời gian này.

Hình ảnh trích xuất qua camera thể hiện: Quá trình quản lý hoạt động của quán, ngoài việc giám sát qua camera, L thường xuyên có mặt tại quán, có mặt tại quầy lễ tân, vào phòng hàm sau quay lễ tân (nơi D để ma túy). Vì vậy có cơ sở xác định L nắm rõ mọi việc làm của nhân viên tại quán S. Quá trình điều tra và tại

phiên tòa, L đều khẳng định nếu L không cho phép D sẽ không dám tự ý cho khách sử dụng ma túy tại quán.

D được vợ chồng C, L thuê làm việc tại quán từ khoảng đầu năm 2015, được vợ chồng L hoàn toàn tin tưởng giao cho việc điều hành hoạt động, quản lý tiền thu hàng ngày của quán những khi vợ chồng L không có mặt; quá trình làm việc hai bên không xảy ra mâu thuẫn gì. Ngay tại các lời khai đầu tiên tại Cơ quan điều tra, Đỗ Văn D đã khẳng định D đã được L 03 lần giao ma túy để bán cho khách khi khách có nhu cầu nhằm kiếm lời (lần 1 khoảng 10 gói, lần 2 khoảng 15 gói, lần 3 là 31 gói ma túy). Lần thứ 3 D mới bán cho Nguyễn Đình Q và Nguyễn Đình Y 02 gói được 1.000.000 đồng vào đêm rạng sáng ngày 23/01/2016. Việc L giao ma túy cho D bán được D nói cho những người cùng làm là Bùi Văn M, Bùi Thành Đ biết. Đ và M đều xác nhận có được D nói cho biết việc này và đã từng chứng kiến D bán ma túy cho khách nhiều lần; điều này phù hợp với đơn tố cáo của công dân gửi Cơ quan điều tra (bút lục 174). Toàn bộ nội dung D, M, Đ khai báo đã được một lần nữa khẳng định tại biên bản phiên tòa và bản án 235/HSST/2017 ngày 20/11/2017 của Tòa án nhân dân quận Hà Đông đã có hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên, Cơ quan điều tra và Viện Kiểm sát nhân dân quận Hà Đông chỉ xác định và quy kết Nguyễn Văn L là đồng phạm với Đỗ Văn D tội “Mua bán trái phép chất ma túy” với tình tiết “Phạm tội nhiều lần” đối với hành vi bán ma túy cho 02 khách (là Nguyễn Đình Q và Nguyễn Đình Y) và đối với số lượng 42,388g Ketamine thu giữ được đêm rạng sáng ngày 23/01/2019 là có căn cứ, không làm bất lợi cho bị cáo.

Với những tình tiết nêu trên, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông truy tố Nguyễn Văn L về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại các điểm b, m khoản 2 Điều 194 và tội “*Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 198 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009) là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến các quy định của nhà nước về quản lý, sử dụng các chất ma túy, gây mất ổn định tình hình trật tự, an toàn xã hội, góp phần làm gia tăng và là nguyên nhân làm phát sinh nhiều loại tệ nạn xã hội và các tội phạm khác, do vậy cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có đủ tác dụng giáo dục bị cáo và đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm.

Bị cáo Nguyễn Văn L đã nhiều lần bị xử lý trước pháp luật, nhưng không lấy đó làm bài học để tu dưỡng rèn luyện mà tiếp tục có nhiều hành vi phạm tội rất nghiêm trọng; sau khi phạm tội bị cáo bỏ trốn, có nhiều hành vi thể hiện sự chống đối (không cung cấp lời khai, không ký biên bản do Cơ quan tiến hành tố tụng thiết

lập...), khai báo thiếu thành khẩn gây khó khăn cho Cơ quan tiến hành tố tụng nên cần có hình phạt phù hợp, đảm bảo tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Về tình tiết giảm nhẹ: Đối với tội “Chứa chấp sử dụng ma túy”, sau khi phạm tội, bị cáo đã thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Bị cáo có tiền sử bị bệnh tâm thần, có thể gây ảnh hưởng đến sức khỏe và cuộc sống lâu dài nên cũng cần xem xét, giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 và điểm h khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 của Quốc Hội thì mức hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 194, khoản 2 Điều 198 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009) nhẹ hơn so với hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 251 và khoản 2 Điều 256 Bộ luật hình sự năm 2015 nên áp dụng quy định tại Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009) để xét xử đối với bị cáo.

Các vấn đề khác của vụ án đã được giải quyết tại bản án số 235 ngày 20/11/2017 xét xử đối với bị cáo Nguyễn Văn D và các đồng phạm, đã có hiệu lực pháp luật.

Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí và có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Từ những nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” và tội “*Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy*”.

2. Áp dụng điểm b, m khoản 2 Điều 194; điểm d khoản 2 Điều 198; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 50 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009): Xử phạt Nguyễn Văn L **08 (tám)** năm tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”; **07 (bảy)** năm **06 (sáu)** tháng tù về tội “*Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy*”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là **15 (mười lăm)** năm **06 (sáu)** tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 23/2/2016.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND quận Hà Đông;
- Công an quận Hà Đông;
- Chi cục THA dân sự quận Hà Đông;
- Bị cáo;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Hòa